TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiển

2. Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐHST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 26, ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Phước H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp BC, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Phước H chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một đôi bông nhưng hiện tại không còn vì vợ chồng bán để chi phí gia đình, có đăng ký kết hôn ở UBND xã TĐ huyện GD, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Ngô Lê Song N, sinh ngày 19/5/2010 hiện chị đang nuôi. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh H bắt đầu ham chơi uống rượu, sử dụng ma túy, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Thu nhập có bao nhiêu anh H đều tiêu xài cá nhân hết, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 chị bỏ về nhà mẹ ruột ở, anh H vẫn không thay đổi và bị Công an bắt vì mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Cây Cầy 3 huyện TB. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2018 bị đơn anh Ngô Phước H trình bày: Giống như lời trình bày của chị T, tuy nhiên theo anh đến năm 2014 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn do anh bị phạt tù phải đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị T được nuôi con, nhưng anh bổ sung, nếu nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi, anh không cấp dưỡng cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chưa đúng theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H; về con chung: Giao chị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do anh H không đi làm, không có trách nhiệm với gia đình từ đó anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2018 anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân chị T và anh H không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh H đang phải chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy và cả hai đều đồng ý ly hôn. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh H lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi cháu Ngô Lê Song N, sinh ngày 19/5/2010. Anh H đồng ý cho chị T nuôi con nhưng anh bổ sung, nếu cháu Nhi nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi.

Xét thấy, nguyện vọng cháu Nhi sống với chị T, trong thời gian anh chị sống ly thân cháu Nhi sống với chị T được chị chăm sóc, giáo dục phát triển bình thường. Hiện tại chị T đi làm công nhân có thu nhập ổn định nên có điều kiện, khả năng để nuôi dạy con. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu Nhi cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận và sẽ khắc phục vi phạm.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T đối với anh Ngô Phước H. Chị T được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Ngô Lê Song N, sinh ngày 19/5/2010. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0013527 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã TĐ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui